

# HỘI ÁI-HỮU BIÊN-HOÀ

Website: <https://www.bienhoatx.com>

Email liên lạc: datlam1951@yahoo.com

Hội Ái-Hữu Biên-Hoà hân hạnh giới thiệu đến quý vị bài:  
**Năm Ngọ Nói Chuyện Ngựa** của **Phong Châu**. Hội chân thành cảm tạ giả. Kính mời. **Trân trọng**.

## Năm Ngọ Nói Chuyện Ngựa



Tháng chạp năm Ất Tỵ chỉ có 29 ngày nên gọi là tháng thiếu. Năm Ất Tỵ lại là năm nhuận, có đến hai tháng 6 nên tết nguyên đán năm Bính Ngọ đến trễ – vào trung tuần tháng 2 - 2026. Mong một tết sẽ rơi vào ngày 17 tháng hai. Trước đó ba ngày là ngày lễ Valentine – ngày của tình yêu. Thôi thì cứ yêu nhau trước rồi ăn tết sau vài ngày cũng kéo dài thêm cuộc vui...

Đêm giao thừa em rắn sẽ “cuốn theo chiều gió” về với ông bà, chờ đến 12 năm sau mới tái ngộ nhân gian. Vậy là vào thứ ba, ngày 17 tháng hai chúng ta lại tiếp tục đón một cái tết nơi quê người mang tên tết Con Ngựa. Nói đến Con Ngựa thì hình như loài thú bốn chân này đã có mặt trên thế gian này kể từ ngày xuất hiện loài người từ bấy cho đến nay, chúng vẫn là một trong số những con vật thân thiết với loài người. Chẳng những thế mà chúng đã cùng loài người trải qua bao nhiêu thời đại từ cổ sử hồng hoang cho đến thời trung cổ và thời cận hiện đại. Và cũng - hình như loài ngựa đã góp sức với loài người viết nên những trang lịch sử nhân loại qua các cuộc chiến tranh binh lửa diễn ra không chừa một nơi nào trên trái đất.

Có ba con vật đều to con lớn xác ở với loài người từ thời huyền thoại cổ đại là trâu, bò và ngựa. Xét chung thì con nào cũng giúp ích cho loài người cả. Trâu bò thì cày bừa, kéo xe kéo gỗ, suốt năm suốt tháng không bao giờ ngơi nghỉ. Nói chung thì hai con vật hữu dụng này chỉ “*sống và làm việc*” loanh quanh khu dân cư hay ngoài đồng ruộng, xa lắm là ra bìa rừng bìa suối chứ ít khi đi xa ngàn dặm. Trái lại, ngựa là con vật có sức chịu đựng và nhanh nhẹn hơn hai con vật kia cho nên chúng đã cùng với con người “*ông đến đâu thì chúng thần đến đó*”. Thật vậy! Hồi xưa hồi xưa lúc chưa có phương tiện di chuyển thì ngựa là phương tiện di chuyển duy nhất qua các thời đại. Hãy xem, một ông điền chủ, một chủ nông trại hay một thương gia giàu có nuôi một hai chú ngựa trong nhà để làm phương tiện di chuyển. Từ làng này qua làng khác, từ thành phố này qua thành phố khác, chỉ cần đóng bộ yên lên lưng ngựa rồi phốc lên ngồi chễm chệ, quất một roi vào lưng là ngựa sẽ đưa ông chủ đến nơi muốn đến, về nơi muốn về.

Nếu gia chủ muốn cho cả nhà cùng đi thì ngựa cũng sẵn sàng làm công việc chuyên chở. Chỉ cần dắt chú ra đặt vào giữa hai gọng xe bằng gỗ, lấy dây cương khớp vào miệng và che đôi mắt lại. Công nương quý tử lên xe. Mệnh phụ lên xe...Người cầm cương quất một roi vào mông ngựa. Thế là quý bà quý cô và quý cậu đến nhà thờ, đến phố chợ, đến mọi nơi cần đến, bỏ lại đằng sau tiếng lóc ca lóc cóc trên những con đường lát đá hoa cương thường thấy ở Âu châu nhiều thế kỷ trước. Chú ngựa nào sống ở vùng quê xa thì phải băng đồng, băng rừng, leo dốc, xuống đồi, lội sông qua suối cỡ nào cũng “*hoàn thành nhiệm vụ*”. Không một lời than tiếng thở mà thảnh thơi chỉ nghe tiếng hí hình như để vui mừng được làm thân “*con ngựa*”.

Những chú ngựa nói trên tạm gọi là “*ngựa gia dụng*” cho dễ hiểu. Còn có một loại ngựa khác không phải dùng vào việc chuyển cây, chở thóc hay dùng để dạo chơi mà dùng vào việc khác. Chính việc này mà loài ngựa nhà ta được trọng dụng đồng thời được chăm sóc rất kỹ lưỡng. Đó là ngựa chiến hay gọi là chiến mã. Nghĩa là ngựa đi đánh giặc, phải xông pha ngoài chiến trường, giữa làn tên mũi đạn, khát uống thiếu ăn, mùa đông băng giá, mùa hạ nóng bức cũng không bao giờ quay đầu lùi bước – trừ khi người ngồi trên lưng ngựa giật dây cương cho ngựa quay đầu bỏ chạy. Xác ngựa cùng với xác người, các loại vũ khí, chiến cụ nằm lênh lảng trên các bãi chiến trường đầy máu me là hình ảnh thường thấy ở những trận đánh từ thời xa xưa cho đến thời cận đại.

Đừng nói chi đâu cho xa. Lịch sử nhân loại còn ghi rõ, sau tây lịch khoảng thế kỷ thứ 5, bầy ngựa chiến của Attila đã dẫm nát từ lục địa Trung hoa cho đến các vùng lãnh thổ thuộc Âu Châu. Nền văn minh Tây phương đã hơn một lần run sợ

trước sức mạnh vũ bão của của những chiến binh ngày đêm ngồi trên lưng ngựa. Đàn ngựa chiến dũng mãnh của Attila chạy đến đâu thì cây cỏ đều rạp đến đó. Chả thế mà mà lãnh tụ Attila đã từng nói: *“Nơi nào ta đã qua thì cỏ sẽ không bao giờ mọc nữa”*. Thử tượng tượng 500 ngàn quân Rợ ngồi trên bầy chiến mã tràn qua đến đâu thì mạng sống của con người đều không vẹn toàn huống hồ chi là cây với cỏ! Quốc gia chịu thiệt hại nhiều nhất dưới vó ngựa của Attila không ai khác hơn là đế quốc La Mã. Chiến công của Rợ Hung không những thuộc về những chiến binh dũng cảm và man rợ mà nó còn thuộc về bầy ngựa chiến đã say mùi gươm đao để xông vào làn tên mũi đạn.

Chuyện về ngựa là chuyện đã có từ khuya. Sao lại khuya? Khuya tức là về đêm, đồng nghĩa với bóng tối hoặc chỉ là có ánh sáng lơ mờ. Thời kỳ gọi là “khuya” của nhân loại gọi là thời “huyền sử” được biết qua những chuyện “thần thoại”. Mấy chú ngựa nhà ta cũng xuất hiện trong thời kỳ u u ám ám đó bằng những huyền thoại được đề cập như sau:

1/ Trong thần thoại Hy Lạp có ngựa Pegasus của hải thần Poseidon có cánh và chạy rất nhanh đã giúp người anh hùng Bellerophon đánh bại quái vật và được thần Zeus biến nó thành một chòm sao sáng trên bầu trời.

2/ Chollima là giống ngựa trong thần thoại của một số nước ở Đông Á gọi là Thiên Lý Mã có 8 cánh và mỗi ngày có thể chạy đến 400 cây số.

3/ Tulpa là loài ngựa có cánh của các nước các nước Trung Á như Mông cổ và Kazakstan.

4/ Trong thần thoại Hy Lạp đàn ngựa cái của Diomedes xuất hiện với người hùng Hercules.

5/ Ngựa Kanthala (Kiền Trắc) trong thần thoại Phật giáo được thái tử Tất Đạt Đa cưỡi bay qua sông A Nô Ma trong đêm khuya, từ bỏ hoàng cung để đi tìm chân lý.

6/ Trong thần thoại Cơ Đốc Giáo có 4 con ngựa của ngày tận thế được nhắc đến trong sách Khải Huyền như dấu hiệu của sự phán xét.

7/ Thần thoại của người Hồi Giáo có ngựa Al-Buraq là con ngựa chiến có nhiệm vụ chở nhà tiên tri Muhammad và thần Jibril từ Mecca đến Jerusalem.

8/ Thần thoại Hindu có ngựa trắng Uchchaihshravas bảy đầu và biết bay là ngựa cưỡi của thần sấm sét và quỷ vương Bali.

9/ Ngựa gỗ thành Troy. Thần thoại Hy Lạp kể chuyện thành Troy do thần Poseidon và Apollo xây dựng. Quân Hy Lạp đánh vào thành suốt 10 năm nhưng không chiếm được bèn lập kế làm một con ngựa bằng gỗ để chứa một đội quân tinh nhuệ bên trong trước khi rút lui và báo cho quân trong thành Troy biết đây là món quà dùng để dâng cúng cho thần linh. Quân thành Troy kéo ngựa vào thành và đội quân bên trong thân ngựa đã tràn ra để chiếm thành.

10/ Ngựa sắt của Thánh Gióng. Vào đời Hùng Vương thứ 6 giặc Ân bên Tàu sang đánh chiếm nước ta. Vua sai quan quân tìm người tài để đánh giặc. Tại làng Phù Đổng có cậu bé ba tuổi vẫn chưa biết nói. Khi nghe lệnh vua cậu ta bỗng biết nói và lớn lên như thổi. Cậu bảo đem cho cậu ngựa và gươm bằng sắt để đi đánh giặc. Vua ban cho cậu ngựa và gươm, ra trận

cậu đánh đầu thắng đó. Khi gươm gãy cậu nhỏ cả bụi tre để giết giặc. Sau khi thắng trận cậu cùng ngựa sắt chạy đến núi Sóc và bay về trời.

11/ Trong thần thoại Mỹ có chú ngựa Widow-maker (Tia chớp) là con vật cưng của Pesos Bill, một cao bồi huyền thoại ở miền Tây hoang dã. Đây là chú ngựa chỉ có Bill mới cưỡi được. Thức ăn của chú ngựa này là thuốc nổ...

Nói về ngựa có lẽ nói hoài chẳng hết chuyện ngựa trên thế gian. Thôi thì nói chuyện ngựa Việt Nam. Không nói chuyện ngựa ngoài đời thường mà xin nói chuyện ngựa trong văn học Việt Nam. Đó là truyện “Lục Súc Tranh Công” nói về sáu con vật nuôi trong nhà tranh nhau để giành công trạng về mình. Sáu con vật đó là Trâu (Ngưu), Chó (Khuyển), Ngựa (Mã), Dê (Dương) Gà (Kê) Lợn (Thỉ). Mỗi con vật đều cho mình là có công trạng nhất trong nhà. Tài liệu văn học ghi rằng: Lục Súc Tranh Công là một truyện thơ viết bằng chữ Nôm, tác giả khuyết danh. Theo nhận định của Cụ Bùi Kỷ, căn cứ vào giọng văn thì tác giả có lẽ sống vào thời Lê mạt, Nguyễn sơ, là một nhân vật trong phái cự học ở vùng Nghệ Tĩnh trở vào. Truyện được Cụ Trương Vĩnh Ký phiên âm ra Quốc ngữ đầu tiên vào năm 1887. Nó dần được phổ biến và lưu hành rồi được xem như truyện ngụ ngôn thịnh hành của Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Toàn truyện có 570 câu, gồm 3 phần: phần mở gồm 12 câu, phần kết gồm 4 câu, còn lại là 10 đoạn, mỗi đoạn là những lời tranh luận của sáu con vật. Theo Cụ Bùi Kỷ, tác giả là một học giả uyên bác, biết dùng nhiều điển cổ để tả tâm tư, thể hiện được khẩu khí nhân vật, biết điểm xuyết vài câu trào phúng tao nhã và có nhiều ý vị. Trâu thì rằng làm ăn vất vả, có công sinh ra thóc, gạo, ngô, đỗ. Chó thì rằng có công coi nhà

giữ trộm. Ngựa thì rằng có công đem chủ đi quán về quê, đánh đông dẹp bắc. Dê thì rằng có công trong việc tế lễ. Gà thì rằng có công gáy sáng, báo giờ. Lợn thì rằng có công trong việc quan, hôn, tang, tế.

Theo các nhà phân tích văn học, thông qua truyện, tác giả muốn truyền tải thông điệp về việc đời, bất cứ lớn hay nhỏ, mỗi người có một chức vị, làm trọn được, tức là giúp cho đời, và không nên ganh tị lẫn nhau. “Lục Súc Tranh Công” được đưa vào các giờ học “cổ văn”, nay ta thử đọc lại vài đoạn để biết toàn câu chuyện ra sao. Đoạn đầu là những lời kể về của Trâu với những công việc nặng nhọc hàng ngày như việc cày bừa, kéo gỗ kéo xe, thân dãi dầu mưa gió:

Trâu mỗi nhọc, trâu liền năn nỉ  
Một mình trâu nghe nỗi gian nan  
Lóng canh gà vừa mới gáy tan  
Chủ đã gọi thẳng chăn vội vã  
Dạy rằng: đuổi trâu ra thảo dã  
Cho nó ăn ba miếng đỡ lòng  
Chưa bao lâu thoát đã rạng đông  
Vừa đến buổi cày bừa bừa việc...

...Trâu nhọc nhằn, ai dễ thế cho?  
Cày ruộng sâu, ruộng cạn cho no  
Lại vườn đậu, vườn mè khiến chớ  
Làm không kịp thở  
Ăn không kịp nhai  
Tắm mưa, trải gió chi nài!  
Đạp tuyết, giày sương bao sá!  
Có trâu, sẵn tầm tơ, lúa má  
Không trâu, không hoa quả, đậu mè

Lúa gặt cất lên đò có trâu xe  
Lúa chất trữ, lại để dành trâu đập  
Từ tháng giêng cho đến tháng chạp  
Kể xuân, hè, nhần đến thu, đông  
Việc cày bừa, nông vụ vừa xong  
Lại xe gổ, dầm công liên khói...

Tác giả dành trên 100 câu cho Trâu kể lễ công trạng nghe ra cũng thấy bao nỗi ê chề đắng cay...Nhưng xem trong nội dung “kể công” của bác Trâu nhà ta cũng không quên “đá giò lái” qua chú Khuyển để hạ chú Chó (muông) nhà:

...Những loài muông vô tướng bất tài  
Nuôi giống ấy làm chi cho nhọc  
Ăn cho lớn, dưỡng vai, dưỡng vóc  
Giỡn với nhau vạch cửa vạch sân  
Mỗi ngày ba bữa chực ăn...

Để phân trần Khuyển nhà bèn lên tiếng:

...Ai ai đều phận thủ như nhau  
Khấn khấn cũng một lòng phò chủ  
Kẻ đầu kia người việc nợ  
Đứa coi ngoài, có đứa giữ trong  
Đêm năm canh con mắt như chong  
Đứa đạo tặc nép oai khủng động  
Ngày sáu khắc lổ tai bằng trống  
Đứa gian tham thấy bóng cũng kinh  
Lại đến ngày kỵ lạp tiên sinh  
Cũng ra sức săn chồn đuổi sóc  
Bao quản chui gai, lướt góc  
Chi này múa mỏ, lòn hang  
Anh trâu sao chẳng biết thương

Nữ lại tra lời sanh nạnh  
Ăn thì cơm thừa, canh cặn  
Ăn thì môn sượng, khoai sùng...

Bị chú muông phản bác, bác Trâu quay sang anh Ngựa xỉa xói:

Dám thừa người, bấu gì giống ngựa  
Mà trau tria, lều trại nhọc nhằn  
Ăn cho ăn những cháo đậu xanh  
Ở thì ở những tàu lợp ngói  
Bữa bữa dạo chơi tắm gội  
Ngày ngày chần vó, hớt mao  
Sắm sửa cho chẳng biết chừng nào  
Suy tính lại dư trăm dư chục  
Sắm lá vả, sắm yên, sắm lặc  
Sắm chân đưng, hàm thiếc dây cương  
Dời tiền, dời hậu bao vàng  
Thắng đái, dây cương thép bạc  
Gẫm giống ấy  
Nết na giốn giác  
Tính khí chàng ràng  
Tuy đang khi mọi vẻ nghiêm trang  
Trong gia sự nhiều điều ngơ ngáo  
Nghề cày bừa nghe coi lếu láo  
Việc bắn săn coi cũng ươn tài  
Chủ nuôi không biết chủ là ai  
Nhà ở chẳng biết nhà mà lại  
Dại không ra dại  
Khôn chẳng nên khôn  
Ngất ngơ như ốc mượn hồn  
Nuôi giống ấy làm chi cho rối...

Ngựa nghe Trâu nói xấu mình, không biết đáp lại nên  
bèn quay sang chú Dê mà bảo:

Dê với ngựa cùng là giống thú  
Chăn đồng chăn, nuôi cũng đồng nuôi  
Dê, người cho ăn nhảy chơi bời  
Ngựa, người bắt kị biều, luân tể  
Gẫm giống chi hữu đầu vô vĩ  
Hình con con, bụng lớn  
Cánh nắng như đũa có hạ nang  
Són sắc tợ con chàng kẻ cướp  
Nghề tể kiệu coi đà xấu vóc  
Việc cày bừa nhắm bóng cũng ươn  
Hễ thấy người thấp thoáng đôi bên  
Liền há miệng kêu la ... bé hé...

Anh Ngựa đá qua, chú Dê đá lại:

Thử anh lớn hay là tôi lớn  
Anh đã từng vào dinh ra trấn  
Sá chi tôi tiểu thú quê mùa  
Mạnh thì lo việc nước việc vua  
Song chớ khá cậy tài cậy tướng  
Ai có tài chủ ban chủ thưởng  
Ai không công, tay làm hàm nhai  
Chẳng dám ăn lúa má, môn khoai  
Không hề phạm đậu mè, hoa quả  
Khuyên khuyên, chớ nói ngang nói ngựa  
Bớt bớt, đừng ỷ thế cậy tài  
Ai chẳng biết đuôi ngựa thì dài  
Dài thì để xua mòng đuổi muỗi...

Hết nói xấu anh Ngựa, chú Dê chõ mõm sang Gà mà rằng:

Nuôi giống gà thật vô ơn ngãi  
Thấy chủ vãi đám ngò, vạc cải  
Túc nhau bươi chéch gốc, trốc cây  
Thấy người trồng đám đậu vòng khoai  
Rủ nhau vầy nát bông, nát lá  
Rất đến đổi thấy nhà lợp rạ  
Kéo nhau lên vậ vĩa tăng bằng  
Cho ăn rồi quệt mỏ sấp lưng  
Trời chưa tối đã lo việc ngủ  
Ba cái rác nằm không yên chỗ  
Mấy bụi rau nào để bén dây  
Cả ngày thôi những quấy những rầy  
Nuôi giống ấy làm chi vô lối...

Thím gà nghe vậy:

Liền nhả ra chộp cánh giương đầu  
Này này gà ngũ đức thâm sâu  
Nhân dũng trí võ văn gồm đủ  
Trên đầu đội quan văn một mũ  
Dưới chân đeo hai cựa thần thương  
Đã bao phen đến chốn chiến trường  
Lập công trận vang tai lói óc  
Thủa Tây Lũng tam canh trống thúc  
Gà gáy đầu ba tiếng đêm khuya  
Một tiếng rằng: thiên nhật tác thì  
Hai tiếng rằng: quốc lộ tác xương  
Ba tiếng rằng: nhân gian tác lạc  
Đã cứu mạng Mạnh thường đặt thoát  
Lại khuyên người tấn sĩ năm canh  
Hễ ai toan cải dữ về lành  
Gà cũng biết tỉnh, mê, giấc điệp

Coi giò gà xét biết thịnh suy  
Dóng canh khuya vui dạ kẻ tiểu y  
Cất tiếng gáy, toại lòng người đãi đán...

Sau khi khoe công trạng của mình, thím gà tiếp lời:

Heo ăn rồi ngủ ngáy li bì  
Giả ngây dại, biết gì việc chủ  
Ngắm diện mạo, dị hình dị thú  
Xem dung nhan khác thế lạ đời  
Như nuôi chơi, chẳng phải giống chơi  
Chạy rau cám, như tiền nội án  
No đủ mỡ, nhẩy quanh nhẩy quất  
Đói xép hông, cắn máng cắn chuồng  
Mỗi một ngày ba bữa rông rông  
Đã chẳng thấy bữa nào sai chạy  
Bán bồi gì mà người yêu vậy?  
Mù quáng chi mà phải báo cô?

Cô Heo là nhân vật trong “Lục Súc Tranh Công” lên tiếng sau cùng:

Chú gà chớ lung lẳng múa mỗ  
Giữ, có ngày cắn cổ chẳng tha  
Ghét thương thì mặc lượng chủ nhà  
Chớ thóc mách kiếm lời phỉ báng  
Như các chú lao đao đã đáng  
Heo thông dong ăn nhẩy mặc heo  
Nội hàng trong lục súc với nhau  
Ai sánh đặng mình heo béo tốt  
Vua ngự lễ Nam Giao đại đột  
Phải có heo mới gọi tam sanh  
Đừng đừng quen lời nói lạnh chanh

Bớt bớt thói chê ai ăn ngủ  
Kìa những việc hôn nhân giá thú  
Không heo ra, tính đặng việc chi?  
Dầu cho mời năm bảy chuyển đi  
Cũng không thấy một người thấp thoáng  
Việc hòa giải, heo đầu công trạng  
Thấy mặt heo nguôi dạ oán thù  
Nhấn đến khi ngu phụ, ngu phu  
Giận nhau đánh giập đầu chảy máu  
Làng xã tới lao đao, lấu dáu  
Nào thấy ai gỡ rối cho xong  
Khiêng heo ra để lại giữa dòng  
Mọi việc rối liền xong trơn trãi  
Phải chăng, chẳng phải  
Nghĩ lại mà coi  
Việc quan hôn tang tế, vô hồi  
Thầy thầy cũng lấy heo làm trước...

Trong 570 câu trong “Lục Súc Tranh Công”, ta thấy từ trâu đến chó, từ dê đến gà và heo đều khích bác các con vật khác và kể lể công trạng lớn lao của mình. Riêng ngựa, hình như tác giả khuyết danh có ý để cho ngựa nói “ít lời” hơn năm con vật khác. Đặc biệt là không thấy ngựa ta kể công về mình. Không hiểu tác giả có ý gì? Thôi thì cứ xem câu chuyện “Lục Súc Tranh Công” như một bài đọc để giải trí cho vui như lời kết của tác giả:

Nhân rảnh thảo ra một lúc  
Chép ra cho rõ sự đời  
Sự này cũng sự nói chơi  
Ai muốn thì đọc mà cười cho vui

Ngoài chú ngựa bình thường với những màn cỡi vĩ trong “Lục Súc Tranh Công”, có hai chú ngựa nổi tiếng “không bình thường” được biết đến tên là “Ô Truy” của Hạng Võ và “Xích Thố” của Quan Vân Trường (Quan Công).

Ngựa “Ô Truy” của Tây Sở Bá Vương Hạng Võ là con chiến mã lông đen tuyền, to lớn, dũng mãnh. Tương truyền ở núi Đồ Sơn có con rồng đen hóa thành ngựa ô hàng ngày xuống thôn Nam Phu phá hoại, ai đến gần đều bị nó đá chết. Hạng Võ đi qua bị thần mã tấn công. Hạng Võ ghì bồm nó xuống, phóng lên lưng và chạy bay như gió. Ngựa chịu thuận phục và Hạng Võ đặt tên ngựa là Ô Truy. Khi bại trận dưới tay Lưu Bang, Hạng Võ tự sát bên dòng Ô Giang. Ngựa Ô Truy cũng nhảy theo chết cùng với chủ.

Trong Tam Quốc Diễn Nghĩa, Xích Thố là con ngựa của Đổng Trác có thân màu đỏ, không có lông, ngày chạy ngàn dặm, qua sông vượt núi dễ dàng. Sau Đổng Trác tặng cho Lữ Bố. Lữ Bố chết, Tào Tháo chăm sóc ngựa rồi tặng cho Quan Vũ. Quan Vũ nhận ngựa bèn phục lạy tạ ơn. Tào Tháo ngạc nhiên hỏi: *“Ta đã bao phen tặng mỹ nữ, vàng bạc, gấm vóc...sao chẳng thấy Quan Vũ vui. Nay cho con ngựa này mà Vân Trường lại tạ ơn hậu như vậy?”* Quan Vũ cười Xích Thố vượt năm ải chém sáu tướng. Sau khi Quan Vũ bị bắt và chặt đầu, Xích Thố được giao cho một tướng khác nhưng Xích Thố bỏ ăn rồi chết.

Hai con ngựa Ô Truy và Xích Thố là một trong những con ngựa “huyền hoặc” đúng phong cách người Tàu.

Cũng chuyện ngựa phát xuất từ xứ Tàu có bốn chữ “da ngựa bọc thây”. Thây là thây người chết trận – theo quan niệm xưa của người Trung hoa và kể cả Việt Nam - phải dùng

da ngựa để bọc mới nêu rõ được chí khí anh hùng của kẻ làm trai chết ngoài chiến địa. Như vậy khi ngựa đã hy sinh nơi trận mạc thì chúng bị phanh thây để lấy da bọc thây người chăng? Trong “Chinh Phụ Ngâm” của Đặng Trần Côn có hai câu:

*Chí làm trai dặm nghìn da ngựa  
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao*

Trong sách “Hậu Hán Thư” của Trung Hoa có ghi lời của Mã Viện trả lời Hán Quan Vũ rằng: “Đại trượng phu nên chết nơi biên giới, chốn sa trường, lấy da ngựa bọc thây mà chôn...”. Theo thiển ý “Da ngựa bọc thây” chỉ là ẩn dụ của “thời kỳ đồ gỗ” với quan niệm “quân tử, anh hùng” kiểu Made in China thời Xuân Thu của ông Khổng Tử. Chuyện đó đã xưa rồi.

Ngựa là con vật được loài người ưa chuộng chẳng những về công lao của chúng mà còn vì vẻ đẹp của chúng nữa. Chẳng thế mà từ nhiều thế kỷ trước, nhiều quốc gia Âu Châu đã xây dựng nhiều tượng đài trên có hình ngựa làm bằng đồng bằng đá đặt ngay các trung tâm thành phố. Tại các nước Á đông thì hình tượng của ngựa được đặt trong các đền thờ, lăng miếu và coi chúng như là một trong những linh vật ngoài tứ linh Long Lân Quy Phụng. Chẳng những thế, ngựa còn được gửi xuống tận địa phủ cho người chết có phương tiện để di chuyển. Đó là tục đốt vàng mã cho người chết để họ có tiền tiêu xài thoải mái, đồng thời có ngựa cưỡi đi đây đi đó trong cõi âm ti. Nhưng theo đà tiến hóa nhảy vọt của xã hội, những chú ngựa “vàng mã” đã được thay thế bằng những loại xe đắt tiền như Rolls Royce, Mercedes, Lexus, Porsch...Ở chốn địa phủ bây giờ cũng vẫn minh đến tột đỉnh rồi...

Trong thời nội chiến (Civil War) của Hoa Kỳ 1861 – 1965 ngựa vẫn là phương tiện cho cả quân lính đôi miền Nam – Bắc. Đệ nhất thế chiến 1914 – 1918 ngựa cũng hiện diện trên các bãi chiến trường. Đệ nhị thế chiến 1939 – 1945 ngựa đã được thay thế bằng các loại “ngựa sắt” không cần ăn mà chỉ uống xăng với dầu mà thôi. Không còn thấy hình ảnh mấy ông tướng ngồi trên lưng ngựa để duyệt binh mà thấy ngồi trên những chiếc xe jeep nhỏ gọn chạy ngang qua các đoàn quân. Nếu nói loài ngựa được “cải tử hoàn sinh” e cũng chẳng sai. Ngựa thời nay hoan hỉ có mặt trong các trường đua. Kẻ thắng thì vui vẻ ôm mớ tiền về xài cho sướng. Người thua thì mặt buồn và “*dài như mặt ngựa*”. Môn thể thao Polo dành cho giới có nhiều tiền. Người chơi ngồi trên lưng ngựa và phải sắm các tiện nghi như trang phục, gậy đánh Polo, mũ bảo hiểm, áo chắn và lệ phí tham gia không phải là ít.

Hiệp Chung Quốc Hoa Kỳ trong thời kỳ “Về Miền Tây” để tìm vàng thì số phận của người và ngựa cũng giống nhau khi phải vượt qua vài nghìn dặm mới đến nơi. Những cuộc chém giết tranh giành đầm máu trong một thời kỳ của lịch sử Mỹ đã để lại hàng nghìn câu chuyện của những chàng cao bồi viễn Tây. Những nhân vật cowboy suốt ngày ngồi trên yên ngựa đi khắp chốn giang hồ để cứu người cô thế được chiếu trên các màn ảnh ciné như những mẫu anh hùng của một thời qua nhưng diễn viên nổi tiếng như Kirk Douglas, Jul Brynner, John Way, Steve MacQueen, William Holden, Ernest Borgnine, Clint Eastwood, Henry Fonda... Những người bản địa sắc dân Da Đỏ cũng miệt mài ngồi trên lưng ngựa với dáo mác cung tên để giữ đất, chống lại bọn người da trắng xâm lăng lãnh thổ của họ.

Trở lại chuyện Việt Nam. Trong “Lục Súc Tranh Công” có sáu con: Trâu, Chó, Ngựa, Dê, Gà, Lợn thì con nào cũng chui vào bao tử của loài người. Chúng bị phanh thây xẻ thịt cho vào nồi vào chảo để nấu nấu xào xào nướng nướng thành những món ăn khoái khẩu. Riêng món thịt ngựa thì trước đây nửa thế kỷ không thấy có nhưng về sau này thịt ngựa được đưa lên ngang hàng với thịt bò, thịt heo với nhiều món nghe ra không xa lạ gì với bá tánh thiên hạ như lẩu ngựa, ngựa hầm kiểu Mông Cổ, món thịt ngựa Sashimi của Nhật, ngựa nướng ngói, ragu ngựa, lạp xưởng ngựa...Tại miền cao Bắc Việt người Hà Mông có món thịt ngựa đặc biệt được nấu trong các dịp lễ hội, họp mặt...món đó có tên gọi là “Thắng Cố”.

**Phong Châu**